

Tinh thần nhập thế và định hướng hoằng pháp nhân gian trong thời đại mới

ISSN: 2734-9195 14:30 29/05/2025

Hoằng pháp là chức năng sống còn của đạo Phật. Có hoằng pháp thì đạo mới sống động, thấm vào lòng người, mới có thể truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và cùng đi với dân tộc qua những thăng trầm của thời cuộc.

Tác giả: **Thượng tọa Thích Thiện Hạnh**

Phó Viện trưởng Phân Viện NCPHVN tại Hà Nội

Tóm tắt nội dung

Tinh thần nhập thế là mạch sống của đạo Phật từ buổi đầu cho đến ngày nay. Trong thời đại hiện đại, khi con người ngày càng bận rộn với nhịp sống nhanh và nhiều lo toan, thì tinh thần nhập thế và hoằng pháp nhân gian lại càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Đây không chỉ là việc giảng dạy trong đạo tràng, mà là sự hiện diện và lan tỏa tinh thần từ bi, trí tuệ ngay giữa đời sống thường nhật.

Tác giả, triển khai nội dung từ gốc rễ giáo lý của đức Phật, lý giải rõ nét tinh thần nhập thế trong thời đại mới, mở rộng đến thực tiễn hoằng pháp giữa đời thường, nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của Tăng Ni, đặc biệt là vị trụ trì – người giữ gìn, hướng dẫn và gắn kết ngôi chùa với cộng đồng xung quanh.

Qua đó, những định hướng và mô hình hoằng pháp thiết thực, dễ áp dụng sẽ được đề xuất nhằm góp phần xây dựng một đạo Phật gần gũi, sống động và phù hợp với xã hội hiện nay.

Từ khoá: Tinh thần nhập thế, hoằng pháp, nhân gian, đạo Phật, Tăng Ni, Trụ Trì...

1. Dẫn nhập

Trong dòng chảy bao la của cuộc sống, con người dù hiện đại tới đâu cũng vẫn luôn tìm kiếm một chỗ dựa tinh thần. Giữa lúc xã hội thay đổi từng ngày, nhịp sống ngày càng hối hả, không ngừng vận động, con người ngày càng thấy mình nhỏ bé trước những áp lực vô hình – nào là công việc, gia đình, quan hệ xã hội, mạng xã hội, công nghệ...

Mỗi ngày trôi qua là mỗi ngày ta chạy đua với cuộc sống, và nhiều khi quên mất rằng tâm mình đang mỏi, lòng mình đang rối, thì giáo lý nhà Phật lại trở thành ánh đèn nhẹ nhàng soi chiếu tâm thức, giúp người ta quay về với chính mình, tìm lại sự bình yên, tỉnh thức và yêu thương. Tuy nhiên, làm sao để những giá trị ấy không nằm yên trong kinh sách, mà thật sự “đi vào đời sống”, đó chính là trách nhiệm của sự hoằng pháp nhập thế.

Với tinh thần nhập thế “*bước vào đời sống, không đứng bên ngoài*”, vốn có từ thời đức Phật còn tại thế, sau khi Ngài giác ngộ cũng không chọn con đường lánh xa cuộc đời mà đã đi thuyết pháp suốt 45 năm (hoặc 49 năm), Ngài không chọn ẩn tu trong rừng sâu mà đi khắp nơi thuyết pháp, gần gũi với mọi tầng lớp. Từ thành thị đến nông thôn, từ vương tôn quý tộc đến cùng đinh nghèo khổ. Ngài xem hoằng pháp - tức là truyền bá giáo lý, mang ánh sáng tỉnh thức đến với người khác, đó là sứ mạng hàng đầu của một người tu hành.

Ngày nay, công tác hoằng pháp không còn chỉ là ngồi giảng trên pháp tòa, mà cần có sự điều chỉnh, linh hoạt hơn, thiết thực hơn, hoà đồng cùng với đời sống trong một thời đại mới, là thời đại của mạng xã hội, của truyền thông, của trí tuệ nhân tạo, nơi mà một bài viết ngắn hay một đoạn video có thể lan tỏa tới hàng triệu người. Nhưng cũng chính thời đại này đặt ra vô vàn thử thách: người nghe thì đa dạng, người giảng thì thiếu phương tiện, người tu thì nhiều việc, người học thì thiếu kiên nhẫn... không đồng hành, lắng nghe, cảm thông và chia sẻ, hiện diện trong cuộc sống của người khác bằng hiểu biết và thương yêu.

Trong bối cảnh ấy, đạo Phật, với tinh thần từ bi, trí tuệ, vô ngã – không chỉ là một tôn giáo, mà còn là một con đường sống, một nghệ thuật sống giúp con người biết trở về, biết sống tỉnh thức và có trách nhiệm với nhau. Mục đích là để mỗi người tu, dù là Tăng Ni hay cư sĩ, đều có thể thấy mình trong đó, thấy rõ mình cần làm gì, và làm như thế nào để giúp giáo lý đạo Phật thực sự đi vào cuộc đời một cách sống động, bình dị mà sâu xa.

Cho nên, những thách thức của việc hoằng pháp trong thời đại mới, cần phải hiểu đúng, sống đúng, và định hướng, giải pháp cụ thể, cần am hiểu tâm lý xã hội, có kỹ năng truyền thông, có sự mềm dẻo, biết nói đúng người - đúng lúc - đúng cách. Và quan trọng nhất, người trụ trì tại mỗi ngôi chùa là một người hướng dẫn, tổ chức, kết nối và gieo duyên cho ánh sáng Phật pháp được tỏa

rộng nơi mình đang ở.

Vậy nên, nói đến hoằng pháp hôm nay là phải nói đến *“hoằng pháp nhân gian”* – tức là hoằng pháp gắn liền với cuộc sống của mọi người, trong mọi ngõ ngách của đời sống. Và nói đến *“định hướng phát triển”* là nói đến trách nhiệm không chỉ của các Ban ngành, các vị giảng sư, mà quan trọng nhất đó là người trụ trì tại từng ngôi chùa, người đang trực tiếp kết nối với nhân dân, với cộng đồng, với xã hội. Đó chính là tinh thần *“nhập thế”*, bước vào đời bằng trí tuệ và tình thương, không xa rời đời, cũng không để đời cuốn trôi mình.

Từ nền tảng đó, tinh thần nhập thế trong giáo lý Phật giáo, không chỉ mang tính lý thuyết mà có sự sống động, dễ cảm, dễ hiểu. Và nhận diện rõ các điều kiện, thách thức và cơ hội trong việc hoằng pháp nhân gian ngày nay, đặc biệt là nơi từng ngôi chùa, đó là nơi người dân tìm đến với nhiều căn cơ khác nhau.

Các vị Tăng Ni Trụ Trì cần phải có những định hướng hoằng pháp phải cụ thể, thực tiễn và dễ áp dụng phù hợp từng địa phương, để hoằng pháp thực sự gắn kết với đời sống, trở thành con đường nuôi dưỡng tâm linh cho cộng đồng, đặc biệt trong bối cảnh văn hóa và xã hội Việt Nam hiện đại.

Từ những chia sẻ chân thành này, mong rằng mỗi chúng ta, dù là người tu hay người học Phật, đều tìm thấy một hướng đi thiết thực để đồng hành cùng nhau trong việc làm sáng đạo giữa đời, sống tinh tấn giữa vô thường, và truyền trao ngọn lửa tỉnh thức cho thế hệ mai sau.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Ảnh sưu tầm.

2. Tinh thần nhập thế của đạo Phật, từ giáo lý đến đời sống

2.1. Định nghĩa tinh thần nhập thế trong Phật giáo

“*Tinh thần nhập thế*” trong Phật giáo không chỉ đơn thuần là “*hòa nhập cuộc sống*” mà còn là hành động cụ thể của người tu hành, đem giáo lý Phật Đà ứng dụng vào đời sống xã hội, để phục vụ chúng sinh, chuyển hóa khổ đau, và xây dựng cuộc sống an lạc.

Trong giáo lý nhà Phật, nhập thế không có nghĩa là bị cuốn theo dòng đời, mà là bước vào đời một cách tỉnh thức, đầy trí tuệ và từ bi. Tinh thần này được đức Phật thể hiện ngay từ khi Ngài thành đạo. Sau khi chứng đắc quả vị Vô thượng Chính đẳng Chính giác dưới cội bồ đề, đức Thế Tôn không an trú nơi rừng sâu, mà quay trở lại với thế gian để tìm người có khả năng tiếp nhận giáo pháp và bắt đầu con đường “*hoằng pháp độ sinh*”.

Theo Kinh Trung Bộ, bài kinh “*Chuyển Pháp Luân*”, đức Phật đã thuyết bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển[1]. Đây là thời khắc quan trọng khởi đầu cho công cuộc nhập thế, vì từ đây giáo lý Tứ Diệu Đế được truyền dạy lần đầu tiên, cũng là đặt nền tảng cho việc trị liệu khổ đau của nhân loại.

Đó chính là, Tứ Diệu Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đây là bản đồ toàn diện cho sự giác ngộ, không tách rời khỏi cuộc sống. ‘*Khổ*’ chính là hiện thực con người đang đối diện, ‘*Tập*’ là nguyên nhân nội tại, ‘*Diệt*’ là khả năng giải thoát, và ‘*Đạo*’ là con đường hành trì cụ thể. Chính vì vậy, nhập thế ở đây là tiếp cận thực tại, hiểu bản chất đời sống, từ đó dùng trí tuệ và lòng từ để cảm hóa và độ sinh.

2.2. Cơ sở giáo lý cho tinh thần nhập thế

Đức Phật không chỉ dạy xuất thế, mà còn dạy người tu “*nhập thế một cách có trí tuệ và từ bi*”. Trong kinh Tăng Chi Bộ có ghi: “*Này các Tỷ-kheo, hãy đi vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời...*”[2]. Câu nói trên chính là lời khuyến tấn nhập thế của đức Phật đối với hàng đệ tử xuất gia: không chỉ học đạo cho riêng mình, mà phải hành đạo giữa đời, lấy chúng sinh làm đối tượng để hóa độ, lấy thế gian làm nơi để thực hành từ bi và trí tuệ.

Vì, lợi ích cho số đông, hạnh phúc cho số đông chính là cốt lõi của tinh thần nhập thế: sự có mặt của người tu sĩ giữa đời sống không vì tự thân, mà vì cộng

đồng. Đây là lời dạy rất thực tiễn, thể hiện quan điểm “*Phật giáo vì nhân sinh*”, xem việc cứu khổ ban vui là trách nhiệm thiêng liêng. Cho nên, trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện thứ hai, đức Phật dạy rằng: “*Chư Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên: khai thị chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật*”[3]. Vì vậy chúng ta thấy “*Đại sự nhân duyên*” ở đây chính là mục đích nhập thế: khai mở tri kiến chân thật cho con người, giúp họ từ mê sang ngộ, từ khổ sang an. Tức là đạo Phật không rút lui khỏi cuộc đời, mà đi vào cuộc đời để khơi sáng trí tuệ nơi con người, cải hóa xã hội bằng tâm linh.

2.3. Hành trạng nhập thế của đức Phật và chư vị Thánh tăng

Sau khi thành đạo, đức Phật đã dành hơn 45 năm (hoặc 49 năm) du hóa khắp miền Bắc Ấn Độ để giảng dạy, thuyết pháp cho tất cả tầng lớp xã hội: vua chúa, thương nhân, nông dân, người nghèo, thậm chí cả những người bị xã hội khinh miệt như kỹ nữ, cùng đing. Điều này chứng tỏ đức Phật không phân biệt giai tầng trong nhập thế, mà ở đâu có khổ đau, thì ở đó cần ánh sáng Phật pháp.

Chư vị Thánh Tăng cũng tiếp nối tinh thần này. Điển hình là Tôn giả Xá Lợi Phất - bậc trí tuệ đệ nhất, luôn chọn nơi đông người để giảng pháp, khéo dùng phương tiện thiện xảo. Hay Tôn giả Mục Kiền Liên - thần thông đệ nhất, đã vào tận địa ngục để cứu mẹ[4]. Hành động “*vào địa ngục cứu mẹ*” là biểu tượng cao nhất cho tinh thần nhập thế vị tha, sẵn sàng hy sinh để hóa độ người thân yêu, và cũng chính là lời nhắc nhở các Tăng Ni, Phật tử ngày nay: nhập thế không chỉ là hoạt động từ thiện hay thuyết pháp, mà còn là hành động xuất phát từ lòng hiếu, tình người và trí tuệ Bồ tát.

2.4. Nhập thế không trái với lý tưởng giải thoát

Một số quan điểm xưa nay cho rằng “*tu là phải rời xa thế gian*”, “*an trú nơi thanh tịnh mới dễ giải thoát*”. Tuy nhiên, đó chỉ là một góc nhìn chưa trọn vẹn. Cho nên, trong Kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “*Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”. Nghĩa là: “*không trụ vào đâu mà phát khởi tâm Bồ đề*”[5]. Giải nghĩa rộng: Người tu tuy sống trong thế gian, nhưng tâm không bị dính mắc, đó mới là tu.

Nhập thế mà không nhiễm thế, sống giữa đời mà vẫn hành trì giới - định - tuệ, đó mới là cốt lõi Phật đạo. Do vậy, nhập thế không trái với lý tưởng giải thoát, mà chính là một phương tiện khéo léo để thành tựu Bồ tát đạo giữa đời.

Vì vậy, Tinh thần nhập thế là hành động tích cực, có cơ sở giáo lý vững chắc từ Kinh Tạng. Đức Phật và các bậc Thánh tăng là tấm gương sáng về nhập thế độ

sinh. Nhập thế không đối lập với xuất thế, mà là sự hợp nhất giữa trí tuệ và từ bi để cứu độ con người trong hiện thực xã hội. Tinh thần ấy là gốc rễ cần được khơi dậy mạnh mẽ trong thời đại mới, mở đường cho định hướng hoằng pháp nhân gian.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Ảnh sưu tầm.

3. Vai trò của Tăng Ni trong hoằng pháp thời đại mới

3.1. Tăng Ni là người mang sứ mệnh truyền thừa giáo pháp

Trong suốt hơn hai nghìn năm Phật giáo hiện diện và phát triển tại Việt Nam, hình ảnh chư Tăng Ni luôn gắn liền với sự nghiệp hoằng pháp độ sinh. Không chỉ là người hành trì giới luật, thanh tịnh thân tâm, Tăng Ni còn giữ vai trò là “*sứ giả Như Lai*”, là cầu nối giữa Phật pháp và nhân sinh. Trong thời đại mới, với sự chuyển mình mạnh mẽ của xã hội, vai trò này càng trở nên thiết yếu và phức hợp hơn. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật dạy: “*Nếu Tỳ-kheo nào khéo hành trì Phật pháp, thuyết pháp lợi ích cho người, thì vị ấy là đệ tử chân chính của Như Lai*”[6]. Lời dạy này nhấn mạnh mối liên hệ giữa công tác hoằng pháp và phẩm chất của người xuất gia. Một vị Tăng không thể chỉ dừng lại ở việc tự tu, mà phải hành động để đem ánh sáng giáo pháp đến với tha nhân.

Trong truyền thống Phật giáo Bắc truyền, Tăng đoàn luôn được xem là một trong “Tam bảo” Phật, Pháp, Tăng. Trong đó, Tăng là biểu hiện sống động của giáo pháp trong đời sống. Tăng Ni không chỉ giữ gìn giới luật, mà còn có trách nhiệm nuôi dưỡng niềm tin và giúp hàng Phật tử, quần chúng thấm nhuần lời Phật dạy trong từng bước đời sống.

3.2. Tăng Ni và trách nhiệm hoằng pháp bằng trí tuệ và từ bi

Hoằng pháp trong thời đại mới không đơn thuần là thuyết giảng Kinh Pháp mà cần đến một trí tuệ sâu sắc, khả năng thích ứng linh hoạt và lòng từ bi rộng lớn. Tăng Ni phải thấu hiểu tâm lý con người hiện đại, biết kết hợp tinh thần Phật pháp với những phương pháp truyền thông, giáo dục và công nghệ mới để làm sáng rõ chân lý. Trong Tăng Chi Bộ Kinh, đức Phật nhấn mạnh: *“Tỳ-kheo nào biết thời thuyết pháp, biết thời im lặng, biết thời học hỏi và biết thời hành trì, vị ấy là bậc Trí”*[7]. Hoằng pháp không chỉ là lời nói, mà là sự hòa hợp giữa tuệ và bi, giữa hành trì và ứng xử. Một bài pháp sống động có khi không nằm ở bài giảng, mà ở chính đời sống thanh tịnh, giản dị, thân thiện của vị Tăng, Ni.

Ngày nay, một vị Tăng có thể “*thuyết pháp*” có rất nhiều phương pháp, bằng việc giúp đỡ cộng đồng, tham gia từ thiện, chăm lo giáo dục, hoặc qua những hành động đạo đức trong đời thường. Từ bi và trí tuệ là hai trụ cột tạo nên sức mạnh cảm hóa – giúp giáo pháp đi sâu vào lòng người.

3.3. Tăng Ni là Người tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ hoằng pháp

Xã hội hiện đại đặt ra những yêu cầu mới cho công tác hoằng pháp. Với sự phát triển của Internet, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo, Tăng Ni cần trở thành người tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ một cách đúng đắn vào hoằng pháp.

Thực tế cho thấy, nhiều vị Tăng Ni trẻ đã dùng mạng xã hội để giảng pháp, chia sẻ kinh nghiệm tu học, trả lời thắc mắc Phật pháp cho đại chúng. Việc này vừa phù hợp với xu thế, vừa giúp giáo pháp dễ tiếp cận hơn, đặc biệt với giới trẻ, chính là đối tượng dễ dao động trong thời đại biến động thông tin.

Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ cũng cần đi đôi với đạo đức và sự tỉnh thức. Một vị Tăng sử dụng mạng xã hội không thể như người đời mà cần giữ chính niệm, chọn lọc nội dung phù hợp, và biết cách truyền tải thông điệp Phật pháp bằng ngôn ngữ gần gũi, nhưng không mất đi chiều sâu.

Điều đáng mừng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã bước đầu có những chủ trương khuyến khích Tăng Ni học tập công nghệ, tham gia các khóa huấn luyện truyền thông, mở lớp đào tạo hoằng pháp qua Internet, YouTube, ứng dụng mạng xã hội như Facebook, TikTok, v.v... Đây là một bước chuyển quan trọng giúp Tăng Ni có thêm công cụ để hoàn thành sứ mệnh của mình.

3.4. Tăng Ni giữ vai trò định hướng giá trị đạo đức xã hội

Trong bối cảnh đạo đức xã hội đang có những biểu hiện suy giảm, người xuất gia chính là biểu tượng cho giá trị đạo đức vững chắc. Tăng Ni không chỉ hoằng pháp trong chùa, mà còn cần đi vào cộng đồng, như: trường học, bệnh viện, các tổ chức xã hội... để gieo trồng giá trị sống chân chính cho con người.

Phật pháp nếu chỉ được thuyết giảng trong những không gian tôn nghiêm thì dễ trở thành khái niệm xa lạ. Trái lại, khi một vị Tăng có thể lắng nghe nỗi đau của một người bệnh, chia sẻ niềm an ủi cho một học sinh thất bại, hay ngồi trò chuyện với một người đang tuyệt vọng... thì đó chính là hoằng pháp sống động nhất.

Như đức Phật từng nói: *“Ai sống trong đời mà biết gieo rắc hương giới hạnh, từ bi, trí tuệ, thì người ấy chính là ánh sáng cho nhân gian”*[8]. Vậy, Tăng Ni, chính là ánh sáng không phải học vị hay danh xưng, mà là từ phẩm chất và đời sống chân thật.

3.5. Đào tạo Tăng Ni trẻ có tâm và có tầm, để đáp ứng nhu cầu cấp thiết

Trong thời đại mới, Giáo hội cần quan tâm đặc biệt đến việc đào tạo Tăng Ni trẻ. Sự phát triển của Phật giáo trong tương lai phụ thuộc vào lớp người kế thừa có đầy đủ đạo đức, trí tuệ, năng lực hành trì và kỹ năng truyền đạt.

Hiện nay, nhiều trường Phật học đã đưa các môn như tâm lý học, truyền thông, công nghệ thông tin, kỹ năng thuyết giảng... vào chương trình học. Đây là bước đi đúng hướng, cần được mở rộng và nâng cao chất lượng.

Song song đó, Tăng Ni trẻ cũng cần được huấn luyện trong môi trường sống có kỷ luật, có sự sách tấn từ các bậc trưởng thượng, và được khuyến khích học hỏi từ thực tế. Một vị Tăng trẻ biết lắng nghe, hiểu mình, hiểu người, và dần thân phụng sự trong lòng đời – đó là hình mẫu hoằng pháp lý tưởng trong thế kỷ XXI.

Vì vậy, trách nhiệm Tăng Ni giữ vai trò cốt lõi trong sự nghiệp hoằng pháp, không chỉ là người giảng pháp mà còn là hiện thân sống động của Phật pháp

trong đời. Trong thời đại mới, trách nhiệm này càng nặng nề nhưng cũng đầy cơ hội. Việc đào tạo Tăng Ni vừa có phẩm chất đạo đức, vừa có năng lực trí tuệ và kỹ năng xã hội sẽ là nền tảng bền vững cho sự phát triển Phật giáo lâu dài và sâu rộng.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Ảnh sưu tầm.

4. Trách nhiệm hoằng pháp của người Trụ Trì

4.1. Trụ trì là người “giữ lửa” cho ngôi Tam Bảo

Từ thời đức Phật, Tăng đoàn đã có quy chế tổ chức và phân công rõ ràng. Người đảm trách ngôi chùa không chỉ đơn thuần là người quản lý tài sản hay điều hành Phật sự, mà còn là trung tâm dẫn dắt tâm linh và đạo đức cho cộng đồng.

Trụ trì: theo nghĩa nguyên gốc tiếng Hán là người “*trụ pháp vương gia, trì Như Lai tạng*”, nghĩa là giữ gìn pháp Phật, hộ trì đạo pháp.

Theo Tỳ-ni luật tạng, một vị trụ trì cần có ba năng lực căn bản:

- (1) Năng lực lãnh đạo
- (2) Năng lực giáo hóa
- (3) Năng lực hoằng truyền Chính pháp[9].

Vai trò này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi xã hội biến chuyển nhanh chóng, người dân có nhu cầu tìm đến đời sống tâm linh, nhưng lại bị chi

phối bởi thông tin đa chiều, đôi khi lệch chuẩn.

Trụ trì không chỉ “*giữ chùa*” mà còn phải là người thắp sáng đạo tâm, người giữ hồn cho ngôi già lam. Nếu không có người trụ trì xứng đáng, chùa sẽ trở thành một công trình vật chất vô hồn, không có sức lan tỏa, thậm chí dễ bị thương mại hóa, làm phai nhạt chất Phật.

4.2. Trụ trì và vai trò “*trung tâm hoàng pháp địa phương*”

Trong thời đại mới, chùa chiền không chỉ là nơi lễ bái mà còn là trung tâm văn hóa tâm linh và giáo dục đạo đức tại cộng đồng. Người trụ trì giữ vai trò then chốt trong việc thiết kế, triển khai và duy trì các hoạt động hoàng pháp như:

- Mở lớp giáo lý định kỳ cho Phật tử.
- Hướng dẫn giới trẻ tu học mùa hè, tu học một ngày an lạc, đạo tràng niệm Phật, thiền tập...
- Tham gia vào công tác xã hội, từ thiện, bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức học đường...

Một vị trụ trì có tầm nhìn sẽ biết cách kết nối các thế hệ, tạo môi trường tu học phù hợp với từng nhóm tuổi, từng vùng miền. Đó chính là hình thức hoàng pháp “*thân giáo*”, nghĩa là dùng chính đời sống, hành động của mình để cảm hóa và giáo hóa.

Theo Kinh Tăng Chi Bộ dạy: “*Ai có thể tự điều phục mình, khiến người khác kính tin, người ấy xứng đáng là bậc đạo sư*”[10]. Vị trụ trì, do đó, là một đạo sư tại địa phương, người có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Phật pháp và phẩm chất đạo đức của cộng đồng Phật tử.

4.3. Trụ trì là người làm gương tu tập và hành đạo

Người trụ trì trước hết phải là người hành trì miên mật, giới hạnh trang nghiêm, có công phu tu tập. Không thể dùng quyền lực hay danh xưng để điều hành một ngôi chùa mà thiếu sự tu dưỡng nội tâm. Sự hiện diện của một trụ trì có giới đức sẽ tự nhiên khiến đại chúng kính phục và noi theo.

Đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú: “*Tự thắng mình còn hơn thắng người, Ai điều phục được chính mình, Người ấy sống chính định, Không ai có thể lay động được*”[11]. Một vị trụ trì hoàng pháp thành công, không phải là người nói nhiều

pháp thoại, mà là người có một đời sống nội tâm sâu sắc, giản dị, từ hòa và nhất quán. Khi vị trụ trì giữ vững phẩm hạnh, không bị vướng vào danh lợi, thị phi, thì ngôi chùa sẽ trở thành “hòn đảo” bình an giữa biển đời đầy sóng gió.

4.4. Trụ trì thời đại mới: cần “tâm từ bi” và “tâm nhìn xa”

Trụ trì trong thời đại công nghệ không thể chỉ giữ mô hình điều hành truyền thống. Họ cần mở rộng tâm thức và có năng lực lãnh đạo thích ứng với thời đại. Từ việc áp dụng công nghệ thông tin để hoằng pháp (như livestream, xuất bản sách số, xây dựng kênh YouTube...), đến khả năng quản trị chùa chiền minh bạch, khoa học, đều đòi hỏi sự cập nhật và học hỏi không ngừng.

Người trụ trì cũng cần biết tiếp cận với giới trẻ, bởi vì đối tượng thường xa rời chùa chiền, cho nên, bằng những phương pháp mới như tổ chức trại hè Phật giáo, các buổi “*Pháp thoại Cafe*” (giao lưu tâm linh nhẹ nhàng), hoặc các chương trình thiện nguyện đồng hành cùng thanh thiếu niên. Những cách làm sáng tạo này sẽ khiến chùa trở thành “*ngôi nhà tâm linh*” đúng nghĩa cho người trẻ.

4.5. Đào tạo trụ trì kế thừa - việc làm trọng yếu và lâu dài

Một điều quan trọng không thể thiếu đó là việc chuẩn bị đội ngũ kế thừa. Trên thực tế, nhiều ngôi chùa khi vắng trụ trì thì hoạt động trì trệ, tín đồ phân tán, đạo tràng mai một. Vì vậy, một vị trụ trì cần có kế hoạch bồi dưỡng người kế thừa - không chỉ là học trò xuất gia - mà cả hàng cư sĩ có tâm phụng sự.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần mở rộng các khóa đào tạo kỹ năng cho Tăng Ni trụ trì, như: quản lý chùa, truyền thông Phật giáo, xây dựng mô hình hoằng pháp địa phương, quan hệ xã hội và ứng xử với cộng đồng. Đây là giải pháp nền tảng để nâng cao chất lượng hoằng pháp một cách bền vững.

Vì vậy, Trụ trì là trụ cột của ngôi chùa, là người thắp sáng đạo tâm cho cộng đồng Phật tử. Trong bối cảnh hiện nay, người trụ trì phải là nhà tu hành, nhà giáo dục, nhà lãnh đạo và cả người sáng tạo hoằng pháp. Hoằng pháp thời đại mới sẽ không thể bền vững nếu thiếu những vị trụ trì có tâm - có tầm - có hạnh.

5. Tương tác - Phật giáo nhân gian và dân gian trong hoàng pháp thời đại mới

5.1. Khái niệm và phân định: Phật giáo nhân gian và Phật giáo dân gian

Phật giáo nhân gian là Phật giáo hướng đến đời sống thực tế của con người, đề cao tính nhập thế, hiện thực và giải thoát ngay trong cuộc sống. Đây là cách hiểu Phật pháp để ứng dụng vào từng hơi thở, từng bước chân, từng hành xử nơi cuộc đời.

Theo đó, người tu học không xa rời xã hội mà đồng hành cùng con người trong mọi nỗi khổ niềm đau, giúp nhau sống thiện lành và an vui. Trong khi đó, Phật giáo dân gian là dạng Phật giáo đã hoà nhập vào tín ngưỡng, phong tục, lễ nghi truyền thống của dân tộc. Ở đây, đạo Phật được nhân dân tiếp nhận, biến đổi linh hoạt để phù hợp với tâm thức cộng đồng qua các hình thức như thờ cúng, nghi lễ, hội làng, cúng cô hồn, cầu an, cầu siêu, hoặc nghi thức “*xin xăm - bói quẻ, xem ngày giờ, xem hướng nhà..*”

Phật giáo nhân gian đặt trọng tâm ở giáo lý và thực hành chuyển hóa nội tâm, trong khi Phật giáo dân gian nghiêng về hình thức lễ nghi và tín ngưỡng tập quán, nhiều khi pha lẫn yếu tố ngoài Phật giáo. Đó là “*Giới, định, tuệ là con đường đưa đến giải thoát*”[12]. Đây chính là cách thực hành giáo lý Phật Đà ngay trong cuộc sống thường nhật, giữa chợ đời, trong bữa cơm, trong công sở, trong tiếng khóc, tiếng cười của kiếp người.

5.2. Phật giáo nhân gian là gì?

Khi nói đến sự gắn bó giữa Phật giáo với đời sống nhân dân, không thể không đề cập đến mối liên hệ chặt chẽ giữa Phật giáo nhân gian và Phật giáo dân gian[13]. Phật giáo dân gian là sự hòa quyện giữa giáo lý nhà Phật và tín ngưỡng truyền thống dân tộc như: thờ mẫu, thờ tổ tiên, lễ cầu siêu, rước kiệu, nghi lễ mùa màng, v.v... Những hình thức ấy tuy không thuộc giáo lý gốc, nhưng góp phần nuôi dưỡng niềm tin, tạo nền tảng cho việc tiếp cận giáo pháp.

Đây là hai hình thái phát triển song hành, phản ánh quá trình đạo Phật đi vào đời sống một cách uyển chuyển, mềm mại và linh hoạt. Phật giáo nhân gian là sự tiếp cận giáo lý Phật Đà bằng tinh thần nhập thế, gần gũi với đời sống, nhằm chuyển hóa khổ đau, nâng cao đạo đức và trí tuệ cho con người trong hiện tại.

5.3. Từ dân gian mà tiếp cận đạo

Phật giáo dân gian là hình thức đạo Phật được nhân dân tiếp nhận qua lăng kính văn hóa, tín ngưỡng bản địa, gắn với lễ hội, nghi thức cúng bái và đời sống tâm linh tập thể. Bởi vì, ở nông thôn, người dân thường biết đến đạo Phật qua ngôi chùa làng, qua tục đi lễ chùa đầu năm, qua các bà mẹ tụng kinh Vu Lan cho cha mẹ. Ban đầu là niềm tin đơn sơ, sau dần dần được khai mở trí tuệ nhờ ánh sáng chính pháp.

Chúng ta thấy rõ, trong dòng chảy tín ngưỡng dân gian của người Việt, đạo Phật có ảnh hưởng sâu rộng. Nhiều tập tục dân gian như lễ hội chùa Hương, lễ hội Yên Tử, hội làng có yếu tố Phật giáo. Người dân đến chùa vừa để lễ Phật, cầu bình an, vừa để tìm sự tĩnh tâm, đạo lý[14]. Chính vì vậy, sự tương tác này không nên bị xem là sự pha tạp, mà nên được nhìn nhận như là cơ hội để Phật giáo đi vào lòng dân một cách mềm mại, nếu biết dẫn dắt đúng hướng.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở hình thức tín ngưỡng, người dân dễ rơi vào mê tín, hiểu sai giáo lý. Đây chính là lúc người hoằng pháp cần can thiệp với tinh thần nhập thế, thông qua việc giảng pháp tại các buổi lễ, giải thích ý nghĩa thực sự của việc cúng dường, cầu siêu, cầu an. Ví dụ, trong lễ Vu Lan, thay vì chỉ khấn vái, tụng bài văn sám báo hiếu theo lối truyền thống, người trụ trì nên giảng giải ý nghĩa của lòng hiếu thảo, đạo làm con, và làm sao để thực hành hiếu đạo ngay trong đời sống hiện tại.

Điều này sẽ giúp lễ nghi mang giá trị giáo dục sâu sắc, chứ không dừng lại ở hình thức cầu xin. Đức Phật dạy rằng: *“Không ai cứu được ai, chỉ có trí tuệ và hành trì đúng pháp mới giúp thoát khỏi khổ đau”*[15] Câu dạy này hàm ý rất rõ: người tu học cần tự thân vận động, hiểu rõ nhân quả, không thể chỉ cầu nguyện mà mong thoát nghiệp. Do đó, khi người dân đến chùa cúng sao giải hạn, người trụ trì nên giải thích rõ: nghiệp do thân - khẩu - ý tạo ra, thì phải do chính mình chuyển hóa bằng giới - định - tuệ, chứ không thể chỉ dâng lễ vật mà mong tiêu tai.

5.4. Chuyển hóa mê tín bằng chính tín

Phật giáo nhân gian có vai trò làm sáng rõ những giá trị đạo đức, hướng dẫn cách sống chính niệm, từ bi, an trú trong hiện tại. Còn Phật giáo dân gian có khả năng gom tụ đông đảo tín đồ, tạo nên không khí lễ hội, gắn kết cộng đồng. Nếu hai dòng chảy này kết hợp hài hòa, Phật giáo sẽ trở thành nền đạo lý sống động, dễ tiếp cận cho mọi tầng lớp, từ người lớn tuổi ở thôn quê đến học sinh, sinh viên nơi thành thị. Tuy nhiên, sự tương tác ấy cần có định hướng rõ ràng.

Trong Kinh Pháp Cú, câu 1-2, dạy rằng: *“Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác... Nếu nói hay hành động với tâm thanh tịnh, hạnh phúc sẽ theo ta như bóng không rời hình”*[16]. Đây là nền tảng để chuyển mê tín thành trí tuệ: lấy tâm làm gốc, không y lại vào hình thức.

Người trụ trì không nên chiều theo tín ngưỡng dân gian một cách thiếu chọn lọc, mà phải biết *“Phật hóa”* các tập tục, làm trong sáng tinh thần đạo Phật, chuyển mê thành ngộ, chuyển cầu xin sang thực hành. Vậy, việc tổ chức khóa tu cho Phật tử nông thôn, giảng pháp bằng ngôn ngữ đời thường, kể chuyện nhân quả qua các tình huống thực tế sẽ giúp giáo lý Phật giáo đi vào lòng người dân một cách bền vững và hiệu quả.

5.4. Phật giáo cần *“hòa nhập”* chứ không *“hòa tan”*

Người trụ trì, người giảng pháp cần khéo léo dùng lời giảng dễ hiểu, liên hệ tục ngữ - ca dao - văn hóa làng xã để giải nghĩa Phật pháp. Đó là cách gắn kết giữa đạo và đời, giữa kinh sách và hương lúa, hương đồng.

Những nghi thức như tụng kinh Phổ Môn, kinh Vu Lan, tụng sám hối, niệm Phật nếu được kết hợp với việc giảng giải ý nghĩa, sẽ chuyển hóa dần tâm thức người dân từ tín ngưỡng hình thức sang thực hành chuyển hóa nội tâm. Người dân thay vì chỉ đến chùa cầu an cho con cái đỗ đạt, sẽ biết dạy con học đạo lý, sống hiếu thảo, không sát sinh, không trộm cắp[17]. Đó chính là kết quả từ sự tương tác đúng đắn giữa Phật giáo nhân gian và dân gian.

Khi một ngôi chùa biết tổ chức lễ hội mà có hướng dẫn chính pháp, khi một vị trụ trì biết kết hợp lễ nghi dân gian với giáo lý Phật Đà, thì chùa không còn là nơi *“gửi gắm điều ước”* mà trở thành nơi *“gieo trồng trí tuệ và từ bi”*. Chính nơi ấy, Phật giáo sống dậy giữa đời, đi vào từng mái nhà, từng câu chào, từng lời dạy cháu của người già. Như lời dạy trong Kinh Pháp Cú: *“Người trí tu học chính pháp, hướng tâm vào giới - định - tuệ, như hoa thơm, tỏa hương trong gió”*[18]. Hương ấy không cần phô trương, không cần hình thức, chỉ cần đúng thời đúng cách sẽ lan tỏa đến từng ngõ xóm, từng mái chùa nhỏ giữa làng quê. Nơi nào có trụ trì giảng pháp thường xuyên, nơi đó dân trí cao hơn, người dân sống tử tế hơn, ít mê tín hơn. Đây là minh chứng rõ ràng cho giá trị của Phật giáo nhân gian khi biết tiếp cận đời sống dân gian một cách từ tốn và trí tuệ.

Sự tương tác giữa Phật giáo nhân gian và dân gian chính là cánh tay nối dài của giáo lý nhà Phật vào lòng dân tộc. Khi người tu biết trân trọng hình thức dân gian, đồng thời dẫn dắt nó bằng trí tuệ Phật giáo, thì mới thực sự đưa đạo vào đời. Đó chính là tinh thần nhập thế sống động mà Phật giáo ngày nay cần phát

huy: không xa rời nhân gian, mà sống cùng, chuyển hóa cùng nhân gian.

6. Kiến nghị và giải pháp phát triển hoằng pháp trong thời đại mới

6.1. Hoằng pháp phải đi vào đời

Hoằng pháp là mạng mạch Phật pháp. Pháp không đến được với chúng sinh thì đạo Phật trở thành lý thuyết suông. Trong thời đại ngày nay, với nhịp sống nhanh, tâm lý người nghe thay đổi, phương tiện truyền thông lan tỏa mạnh, nếu không cập nhật phương pháp và đường hướng, người hoằng pháp có thể bị tụt lại sau thời cuộc.

Như người chèo thuyền giữa dòng, nếu không chèo tới, sẽ trôi ngược.

Vì thế, cần có những kiến nghị và giải pháp cụ thể để công tác hoằng pháp vừa giữ được chất đạo truyền thống, vừa bắt nhịp được hơi thở thời đại.

6.2. Những kiến nghị cụ thể trong công tác hoằng pháp

a. Tổ chức lại mô hình hoằng pháp theo hướng chuyên sâu và ứng dụng. Cần phân nhóm đội ngũ hoằng pháp theo từng lĩnh vực cụ thể:

- Nhóm giảng pháp truyền thống tại chùa.
- Nhóm hoằng pháp học đường.
- Nhóm hoằng pháp online – công nghệ.-
- Nhóm hoằng pháp thanh niên, Phật tử trẻ.
- Nhóm hoằng pháp vùng sâu, vùng xa, người dân tộc.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, đức Phật dạy: *“Người khéo làm việc là người biết đặt đúng người vào đúng chỗ, như người cầm nhạc đặt đúng âm vào bài ca”*[19]. Việc này giúp tận dụng sở trường, năng lực chuyên biệt, tránh dàn trải. Ai mạnh lĩnh vực nào thì phụ trách lĩnh vực đó.

b. Đào tạo kỹ năng giảng pháp và truyền thông hiện đại cho Tăng Ni trẻ. Giáo hội và các học viện cần mở các lớp chuyên đề về:

- Kỹ năng nói chuyện trước đám đông.
- Kỹ thuật xây dựng bài pháp phù hợp từng đối tượng.

- Sử dụng công nghệ: quay video, livestream, dựng clip ngắn.

- Sáng tạo nội dung Phật pháp phù hợp giới trẻ.

Thích Trí Quang từng nói: *“Muốn làm sứ giả Như Lai trong thời đại mới, cần phải biết cả kinh Phật lẫn cách tiếp cận xã hội”*[20]. Vậy, cần tạo trường lớp đào tạo hoằng pháp chuyên sâu, kết hợp giữa Phật học và truyền thông, tâm lý học, xã hội học.

c. Xây dựng kho dữ liệu số hóa về hoằng pháp

Theo *“Đề án Chuyển đổi số ngành văn hóa Phật giáo”*, Giáo hội Phật giáo VN đề xuất xây dựng kho dữ liệu số về hoằng pháp từ năm 2022, nhưng đến nay vẫn cần đẩy mạnh hơn nữa để đáp ứng yêu cầu thực tế[21]. Hiện nay nhiều bài giảng pháp quý giá, kinh nghiệm giảng dạy hay của các bậc Tôn túc vẫn chưa được số hóa, lưu trữ khoa học. Do đó cần xây dựng:

- Thư viện pháp thoại số theo chủ đề, đối tượng.

- Cơ sở dữ liệu kinh điển, sách chú giải, các tài liệu dạy Phật pháp bằng hình ảnh - video - sách nói.

- Các nền tảng (app, website) học Phật tương tác cho từng nhóm tuổi.

d. Tăng cường hợp tác liên ngành - liên tôn - liên văn hóa

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hoằng pháp không thể khép kín trong nội bộ chùa chiền. Trong Kinh Trung Bộ, bài Kinh Đại Bản nói: *“Chính pháp không ranh giới, như mưa rơi xuống khắp núi rừng, đồng bằng, không phân biệt cây cao cây thấp”*[22] Cần có:

- Hợp tác với ngành giáo dục để đưa đạo đức Phật giáo vào học đường (như kỹ năng sống, lòng hiếu thảo, thiện trong trường học...).

- Kết nối với các tổ chức thiện nguyện, để đưa giáo lý vào trong hoạt động xã hội (giúp người khó khăn, trị liệu tâm lý, giáo dục hướng nghiệp...).

- Giao lưu liên tôn, đối thoại văn hóa, để người ngoài đạo cũng hiểu và tôn trọng Phật giáo.

6.3. Các giải pháp triển khai thực tiễn

a. Mỗi chùa là một trung tâm hoằng pháp tại chỗ

Không cần chờ đến hội trường lớn, truyền thông mạnh. Mỗi ngôi chùa, mỗi ngôi tịnh xá, tịnh thất đều có thể là đạo tràng truyền bá chính pháp cho địa phương mình. HT. Thích Thiện Nhơn viết: *“Hoằng pháp không ở xa, hoằng pháp bắt đầu từ sân chùa, từ bữa cơm chay, từ tiếng chuông tụng kinh sớm chiều”*[23]. Vậy, vấn đề Quan trọng là tâm huyết của vị trụ trì, sự gắn kết với nhân dân, và biết *“nói đúng người – đúng lúc – đúng cách”*.

b. Tổ chức các khóa hoằng pháp lưu động - đi vào vùng sâu, vùng xa

Không chỉ tập trung ở thành phố, Giáo hội cần đẩy mạnh hoằng pháp vùng nông thôn, miền núi, nơi đông bào dân tộc thiểu số. Trong Pháp Cú Kinh, đức Phật dạy: *“Hương các loài hoa không bay ngược gió, chỉ có hương người đức hạnh bay khắp mười phương”*[24]. Nơi đó Phật pháp chưa lan tỏa nhiều, trong khi đời sống tâm linh rất cần được khai mở.

Cần có đội ngũ Tăng Ni trẻ có tâm nguyện *“cống đạo lên non”*, đem pháp vào bản làng, nhà máy, bãi rác, bệnh viện, trại giam... nơi những mảnh đời chưa từng biết ánh sáng Phật pháp. Nếu người tu có hạnh nguyện lớn, dù không quảng bá, ánh sáng của mình vẫn lan tỏa đến khắp nơi.

Đã đến là lúc người tu không chỉ *“tụng kinh gõ mõ trong chùa”* mà phải bước ra đời với đôi chân vững vàng, đôi mắt sáng suốt, trái tim từ bi, lời nói gần gũi, thiết thực với cuộc sống nhân gian.

- Nếu không hoằng pháp kịp thời, Phật pháp sẽ bị hiểu sai.

- Nếu không đổi mới hoằng pháp, người trẻ sẽ rời xa chùa. Nếu không đi vào đời, đạo sẽ bị bỏ lại sau lưng nhân thế.

Vì vậy, từ các cấp Giáo hội, đến từng vị Tăng Ni, cư sĩ, mỗi người cần nhận rõ vai trò của mình trong sứ mệnh hoằng pháp - không chỉ bằng lời nói, mà bằng hành động, sự hy sinh và sáng tạo trong từng bước chân nhập thế.

c. Định hướng và niềm tin vào tương lai hoằng pháp

Dù thời đại có thay đổi đến đâu, công nghệ có phát triển đến mấy, con người vẫn mãi cần tình thương, trí tuệ, sự giác ngộ, và đó chính là điều mà Phật pháp mang lại. Người ta có thể sống không cần giàu sang, nhưng không thể sống thiếu an lạc. Người ta có thể không học cao, nhưng ai cũng mong hiểu được ý nghĩa của cuộc sống.

Và đó là lý do vì sao hoằng pháp luôn có chỗ đứng - dù là ở quê nghèo hay phố thị, dù trong nhà máy hay trên mạng ảo, dù ở người già hay giới trẻ.

Chúng ta tin rằng, nếu những người làm công tác hoằng pháp biết giữ vững tâm nguyện, cập nhật phương tiện, và đặt lòng từ bi làm cốt lõi, thì đạo Phật sẽ tiếp tục đi vào lòng đời, tiếp tục lan tỏa trong nhân gian như một dòng suối mát lành, tưới tắm cho những mảnh đất khô cằn của khổ đau, vô minh.

7. Kết luận

Trong suốt hành trình lịch sử hơn 2.500 năm, Phật giáo từ Ấn Độ lan tỏa ra khắp châu Á, rồi đến phương Tây, không chỉ vì giáo lý sâu sắc mà chính nhờ vào sự hoằng pháp không ngừng nghỉ của các bậc Tổ sư, Tăng Ni và cư sĩ qua nhiều thế hệ.

Hoằng pháp là chức năng sống còn của đạo Phật. Không có hoằng pháp, Phật pháp sẽ chỉ còn là một hệ thống giáo điều, nằm yên trong tủ sách hay kinh viện. Có hoằng pháp thì đạo mới sống động, thấm vào lòng người, mới có thể truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và cùng đi với dân tộc qua những thăng trầm của thời cuộc.

Xin mượn lời đức Phật để kết thúc bài viết này: *“Hãy đi, này các Tỳ-kheo, vì lợi ích cho số đông, vì an lạc cho số đông, vì lòng từ bi đối với đời... Hãy truyền bá chính pháp - lời đẹp, nghĩa đẹp, và hữu ích cho đời”*[25]. Như dòng sữa ngọt nếu không được rót ra, sẽ hỏng trong bình. Như hạt giống không gieo, thì chẳng bao giờ trở hoa.

Cầu mong những ai đang hoằng pháp, dù là Tăng Ni hay cư sĩ luôn có được tâm lực bền bỉ, tuệ lực sáng suốt, hạnh nguyện không mỏi mòn. Để cho mỗi ngôi chùa là một ngọn đèn, mỗi lời pháp là một ánh sáng, để xua tan u tối của thời đại vật chất, để Phật pháp trở thành ánh bình minh trong lòng người.

Chú thích:

[1] Kinh Trung Bộ, tập I, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2006, tr. 93-100

[2] Tăng Chi Bộ Kinh, tập I, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2001, tr. 103

[3] Kinh Pháp Hoa, HT. Trí Tịnh dịch, NXB Tôn Giáo, 2006, tr. 53

[4] Theo Kinh Vu Lan, HT. Trí Quang dịch, NXB TP.HCM, 2010, tr. 21

[5] Kinh Kim Cang, HT. Trí Quang dịch, NXB Tôn Giáo, 2010, tr. 25

[6] Kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Tứ Y, HT. Thích Trí Tịnh dịch, NXB Tôn Giáo, 2006, tr. 120.

[7] Kinh Tăng Chi Bộ, chương Ba Pháp, phẩm Trí tuệ, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2007, tr. 210.

[8] Kinh Pháp Cú, kệ số 58-59, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2012, tr. 45.

[9] Tỳ-ni Tạng Luật, quyển I, HT. Thích Thiện Siêu giảng giải, NXB Tôn Giáo, 2009, tr. 47.

[10] Kinh Tăng Chi Bộ, chương Một Pháp, phẩm Điều phục, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2007, tr. 30.

[11] Kinh Pháp Cú, kệ số 103-104, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2012, tr. 52.

[12] Kinh Tăng Chi Bộ, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2002, tr. 147.

[13] Nguyễn Lang cho rằng: “Phật giáo Việt Nam luôn gắn với dân gian, vừa là chỗ dựa tâm linh, vừa là cầu nối truyền thống – đạo lý” (Việt Nam Phật giáo sử luận, NXB Văn Học, 2000, Tập II, tr. 325)

[14] Thích Nhật Từ viết: “Chính các nghi lễ dân gian là cầu nối để người dân tìm hiểu đạo Phật, từ tín ngưỡng bước sang chính tín” Phật hóa tín ngưỡng dân gian Việt Nam, NXB Hồng Đức, 2020, tr. 47.

[15] Kinh Tăng Chi Bộ, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2002, tr. 147.

[16] HT Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2007, tr. 21

[17] Kinh Báo Ân Cha Mẹ, Hòa thượng Thích Trí Quang dịch, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2006, tr. 19

[18] Kinh Pháp Cú, Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2019, tr. 126.

[19] Tăng Chi Bộ Kinh, tập III, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2002, tr. 403

[20] HT. Thích Trí Quang, Muốn làm sứ giả Như Lai trong thời đại mới NXB Hồng Đức, 2018, tr. 144

- [21] Văn kiện Hội nghị Hoàng pháp toàn quốc, GHPGVN, 2022, tr. 37
- [22] Trung Bộ Kinh, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2006, tr. 192
- [23] HT. Thích Thiện Nhơn Những suy tư về hoàng pháp, NXB Phương Đông, 2020, tr. 57
- [24] Kinh Pháp Cú, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2013, tr. 28, kệ 54
- [25] Tăng Chi Bộ Kinh, tập I, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2002, tr. 34

Tham khảo sách:

1. Kinh Tăng Chi Bộ, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2002.
2. Kinh Pháp Cú, Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn Giáo, 2019.
3. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, NXB Văn Học, 2000.
4. Thích Nhật Từ, Phật hóa tín ngưỡng dân gian Việt Nam, NXB Hồng Đức, 2020.
5. Kinh Tạp A Hàm, Thích Thiện Siêu dịch, NXB Tôn Giáo, 2005.
6. Kinh Pháp Cú, do Tỳ-kheo Narada dịch, Nhà xuất bản Tôn Giáo, 2015.
7. Thích Minh Châu, Đạo Phật và Cuộc sống hiện đại, NXB Văn hóa Phật giáo, 2019.
8. Nguyễn Văn Tường, "Hoàng pháp và phát triển xã hội", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 45, 2023.
9. Văn kiện Hội nghị Hoàng pháp toàn quốc, GHPGVN, 2022, tr. 37
10. HT. Thích Trí Quang, Muốn làm sứ giả Như Lai trong thời đại mới, NXB Hồng Đức, 2018
11. Kinh Báo Ân Cha Mẹ, Hòa thượng Thích Trí Quang dịch, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2006
12. Tỳ-ni Tạng Luật, quyển I, HT. Thích Thiện Siêu giảng giải, NXB Tôn Giáo, 2009
13. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận (tập 1-2), NXB Văn Học, 2000.
14. Thích Nhật Từ, Phật hóa tín ngưỡng dân gian Việt Nam, NXB Hồng Đức, 2020.

15. Kinh Kim Cang, HT. Trí Quang dịch, NXB Tôn Giáo, 2010

16. Kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Tứ Y, HT. Thích Trí Tịnh dịch, NXB Tôn Giáo, 2006.

17. Kinh Pháp Hoa, HT. Trí Tịnh dịch, NXB Tôn Giáo, 2006